TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HS-ST
Ngày: 23-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phúc Nguyên

2/ Bà Lê Thị Hoàng Liễu

Thư ký phiên toà: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Phòng xét xử Hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 25/2021/TLST - HS ngày 25/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXST – HS ngày 06/4/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê D**, sinh năm 1985 tại tỉnh B; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 160/2A, Khu phố A, phường T, Quận H, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Lê Kh, sinh năm 1956; họ và tên mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1959; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Lại Thị N, sinh năm 1988 và có có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/7/2020, bị Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H xử phạt 01 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (theo Bản án số 122/2020/HSST ngày 09/7/2020). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/4/2021, theo Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 273/GCN ngày 14/4/2021 của trại giam MP.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/4/2021, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; nơi cư trú: B14A/13V ấp K, xã B, huyện B, Thành phố H (vắng mặt).

2. Ông Vương Quốc Đ, sinh năm 1987; nơi cư trú: B14A/11E/10C ấp K, xã B, huyện B, Thành phố H (vắng mặt)

3. Ông Phạm Tùng L, sinh năm 1986; nơi cư trú: Nhà không số đối diện nhà số B8A/274 ấp K, xã B, huyện B, Thành phố H (vắng mặt).

4. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1951; nơi cư trú: B12C/21K CC, ấp B, xã A, huyện B, Thành phố H (vắng mặt).

5. Ông Tống Đình T, sinh năm 1951; Nơi cư trú: A4/45D, ấp A, xã A, huyện B, Thành phố H (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

VT Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp – VT.

Địa chỉ: 285 CMT, Phường H, Quận M, Thành phố H.

Đại diện ủy quyền: Ông Chu Văn H, sinh năm 1978, theo Giấy ủy quyền số 260/UQ-HCM-CTr (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/3/2017, Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông V (gọi tắt là VT) tuyển dụng Lê D vào Tập đoàn làm cộng tác viên khoán việc với công việc là bán hàng trực tiếp của VT Thành phố H. Quá trình làm việc, do có nhiều sai phạm nghiêm trọng nên ngày 23/5/2018, VT đã chấm dứt hợp đồng với D. Sau khi nghỉ việc, D vẫn giữ lại và sử dụng các Phiếu yêu cầu cung cấp dịch vụ cố định, truyền hình, Phiếu thu của VT. Sau đó, D mạo danh là nhân viên của VT để ký kết hợp đồng và thu tiền cước phí của khách hàng sử dụng dịch vụ của VT nhưng không nộp lại cho VT mà chiếm đoạt số tiền này. Với thủ đoạn nêu trên, D đã chiếm đoạt tài sản của một số khách hàng trên địa bàn huyện Bình Chánh như sau:

Ngày 12/02/2019, tại địa chỉ B14A/13V, ấp K, xã B, huyện B, D thu số tiền 1.200.000 đồng của bà Nguyễn Thị N (có phiếu thu) nhưng D chỉ thanh toán lại cho VT số tiền 179.268 đồng, chiếm đoạt 1.020.732 đồng của bà N.

Ngày 22/02/2019, tại địa chỉ A4/45D, ấp K, xã A, huyện B, D thu số tiền 2.880.000 đồng của ông Tống Đình T (có phiếu thu), sau đó chiếm đoạt số tiền này của ông T.

Ngày 02/3/2019, tại địa chỉ B14A/11E/10C, ấpK, B, huyện B, D thu số tiền 1.440.000 đồng của ông Vương Quốc Đ (có phiếu thu), sau đó chiếm đoạt số tiền này của ông Đ.

Tiếp đó, Ngày 03/3/2019, tại địa chỉ B8A/27H, ấp K, xã B, huyện B, D thu số tiền 1.200.000 đồng của ông Phạm Tùng L (có phiếu thu) nhưng D chỉ thanh toán cho VT 58.065 đồng, chiếm đoạt của ông Linh số tiền 1.141.935 đồng. Đến ngày 12/3/2019, tại địa chỉ B12C/21K, ấp 2B, xã B, huyện B, D thu số tiền 1.440.000 đồng của bà Vũ Thị H (có phiếu thu) nhưng D chỉ thanh toán cho VT 150.000 đồng, chiếm đoạt của bà H số tiền 1.290.000 đồng.

Do không được thực hiện dịch vụ theo thỏa thuận đã ký kết nên bà N, ông T, ông Đ, ông L và bà H đã đến VT để phản ánh, khiếu nại hành vi của D. Đến ngày 07/10/2019, VT đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H để đề nghị hỗ trợ điều tra đối tượng giả danh nhân viên VT đi lừa đảo khách hàng.

Ngày 01/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận M, Thành phố H có Phiếu chuyển số 716/PC-CQĐT-CSKT kèm theo Công văn đề nghị của VT đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H tiếp nhận thụ lý đơn khiếu nại của bà N, ông T, ông Đ, ông L và bà H theo thẩm quyền.

Căn cứ Kết luận giám định số 1274/KLGĐ-TT ngày 15/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H kết luận:

"Chữ ký và chữ viết tên 'D' dưới mục 'Giao dịch viên' trên 02 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2; chữ ký và chữ viết tên 'D' dưới mục 'Người lập phiếu' trên 03 tài liệu cần giám định ký hiệu A3, A4, A6 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký và chữ viết đứng tên 'Lê D' trên 05 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký dưới mục 'Người lập phiếu' trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký đứng tên 'Lê D' trên 05 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra.".

Căn cứ Kết luận giám định số 1927/KLGĐ-TT ngày 08/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H kết luận:

"Chữ ký và chữ viết tên 'D' dưới các mục 'Giao dịch viên', 'Người lập phiếu' trên 03 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký và chữ viết của Lê D trên 05 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký dưới mục 'Người lập phiếu' trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Lê D trên 05 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra.".

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thì Lê D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của những bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ: 04 Phiếu yêu cầu cung cấp dịch vụ cố định, truyền hình đề tên Nguyễn Thị N, Tống Đình T, Vương Quốc Đ, Nguyễn Thị Th; 05 Phiếu thu đề tên Nguyễn Thị N, Tống Đình T, Vương Quốc Đ, Phạm Tùng L, Vũ Thị H, Nguyễn Thị Th (đính kèm hồ sơ vụ án).

Tại bản Cáo trạng số 35/CT - VKS ngày 20 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố H đã truy tố bị cáo Lê D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo Lê D đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố bị cáo. Bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Xử phạt bị cáo Lê D từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên các chứng cứ, tài liệu, lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra thể hiện các bị hại đã được bị cáo bồi thường, không yêu cầu gì về dân sự và đã làm đơn bãi nại cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê D tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (bl: 134 – 148); phù hợp với lời khai của các bị hại bà Nguyễn Thị N, bà Vũ Thị H, ông Tống Đình T, ông Phạm Tùng L và ông Vương Quốc Đ (bl: 85 – 87, 98 – 99, 111 – 112); phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án; vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, vật chứng thu giữ, kết quả giám định chữ viết…cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 02 đến tháng 3 năm 2019, bị cáo Lê D đã có hành vi gian dối tự nhận mình là nhân viên của VT đến nhà các bị hại tại địa bàn xã A, huyện B để ký hợp đồng và thu tiền cước phí sử dụng dịch vụ VT. Các bị hại tin tưởng bị cáo là nhân viên của VT nên đóng tiền cho bị cáo, cụ thể: Bị cáo chiếm đoạt của

bà Vương Thị N số tiền 1.202.732 đồng; chiếm đoạt của ông Tống Đình T số tiền 2.880.000 đồng; chiếm đoạt của ông Vương Quốc Đ số tiền 1.440.000 đồng; chiếm đoạt của ông Phạm Tùng L số tiền 1.141.935 đồng; chiếm đoạt của bà Vũ Thị H số tiền 1.290.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 7.772.667 đồng.

Với những tình tiết được chứng minh trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê D đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phồ Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[3] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, biếng lười lao động nên bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương, tạo tâm lý hoang mang cho nhân dân. Do đó, khi lượng hình cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu cũng với cách thức và thủ đoạn nêu trên bị cáo đã chiếm đoạt tiền của những người khác trên địa bàn Quận M, Thành phố H. Đến ngày 09/7/2020, bị Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H xử phạt 01 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (theo Bản án số 122/2020/HSST ngày 09/7/2020). Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử lưu ý đến nhân thân, hành vi phạm tội của bị cáo mà có mức án nghiêm.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc đến các tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo và đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã khắc phục hậu quả và được các bị hại làm đơn bãi nại cho bị cáo. Xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt được quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với 04 Phiếu yêu cầu cung cấp dịch vụ cố định, truyền hình đề tên Nguyễn Thị N, Tống Đình T, Vương Quốc Đ, Nguyễn Thị Th; 05 Phiếu thu đề tên Nguyễn Thị N, Tống Đình T, Vương Quốc Đ, Phạm Tùng L, Vũ Thị H, Nguyễn Thị Th sẽ tiếp tục bảo lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về dân sự: Các bị hại bà Vương Thị N, ông Tống Đình T, ông Vương Quốc Đ, ông Phạm Tùng L và bà Vũ Thị H không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 174; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Lê D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2021.

Về dân sự: Ghi nhận các bị hại không yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng: Tiếp tục bảo lưu hồ sơ vụ án 04 Phiếu yêu cầu cung cấp dịch vụ cố định, truyền hình đề tên Nguyễn Thị Nương, Tống Đình Tuyên, Vương Quốc Đạt, Nguyễn Thị Thu; 05 Phiếu thu đề tên Nguyễn Thị Nương, Tống Đình Tuyên, Vương Quốc Đạt, Phạm Tùng Linh, Vũ Thị Hoa, Nguyễn Thị Thu (vật chứng này đang lưu hồ sơ vụ án).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- CA H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Sở Tư pháp, TP. HCM;
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Sơn